

**CÔNG TY CP DƯỢC
MEDIPHARCO**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

DỰ THẢO

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

**(Sửa đổi & Ban hành lần thứ 3 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông
ngày 16 tháng 04 năm 2021)**

Huế, ngày 16/04/2021

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Dược Medipharco sửa đổi lần thứ 11;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược Medipharco;

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần Dược Medipharco bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty được xây dựng theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán, Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty đại chúng đối với công ty đại chúng tại của Nghị định số Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Quy chế này đề ra những nguyên tắc cơ bản về quản trị công ty để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành và cán bộ quản lý khác của Công ty.

2. Quy chế này sẽ điều chỉnh các nội dung chủ yếu sau:

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

3. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau :
 - a. “Quản trị công ty”: là hệ thống các quy tắc để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người liên quan đến Công ty.
 - b. “Công ty”: là Công ty Cổ phần dược Medipharco.
 - c. “Điều lệ”: là Điều lệ được Đại hội đồng Cổ đông của Công ty thông qua ở từng thời điểm.
 - d. “Luật Doanh nghiệp” là: Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;
 - e. “Luật Kế toán” là: Luật kế toán số 88/2015/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 20 tháng 11 năm 2015
 - f. “Luật chứng khoán” là: Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019;
 - g. “Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành”: là thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 3 Nghị định 155/2020/NĐ-CP, không phải là Tổng giám đốc, phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
 - h. “Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến” là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông có quyền biểu quyết tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu từ xa.
 - i. “Bỏ phiếu điện tử”: là việc cổ đông thực hiện biểu quyết theo hình thức bỏ phiếu điện tử thông qua internet bằng hệ thống được xây dựng bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử.
 - j. “Hệ thống” là tổng hợp hạ tầng công nghệ thông tin do công ty thiết lập. Cổ đông có thể truy cập vào Hệ thống để đăng ký tham dự, theo dõi diễn biến và thảo luận các vấn đề tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo hướng dẫn của công ty.
2. Trong quy chế này, các tham chiếu tới một hoặc một số điều khoản hoặc văn bản pháp luật sẽ bao gồm cả những sửa đổi bổ sung hoặc văn bản thay thế các văn bản đó.

CHƯƠNG II: **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. **Vai trò :** Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.
2. **Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông :** được quy định tại Điều 14, 15 Điều lệ công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng

hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông :

1.1 Hội đồng quản trị ra quyết định triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường theo quy định tại Điều 16 Điều lệ công ty.

1.2 Ban kiểm soát hoặc cổ đông/nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có thể triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong những trường hợp quy định tại Khoản 3,4 Điều 140 Luật doanh nghiệp; Khoản 4 Điều 16 Điều lệ Công ty;

2. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp : Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông : Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán; Theo quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán của Trung tâm lưu ký, Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất 08 ngày làm việc liền trước ngày đăng ký cuối cùng.

4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông :

4.1 Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ).

4.2 Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c. Phiếu biểu quyết;
- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông :

5.1 Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:

- a. Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
- f. Mức cổ tức đối với mỗi loại cổ phần của từng loại;
- g. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát;
- h. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- i. Quyết định ngân sách và tổng số tiền thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- j. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
- k. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
- l. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
- m. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
- n. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
- o. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
- p. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- q. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
- r. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
- s. Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- t. Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
- u. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Hội đồng quản trị có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; Chuẩn bị tài liệu cho đại hội; Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại

hội; Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp; Các công việc khác phục vụ đại hội.

5.2 Quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp :

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều 14 nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;
- b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty;
- c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 3 Điều 14 Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 20 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông :

6.1 Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện.

6.2 Việc ủy quyền chỉ có giá trị từng lần đại hội, người được ủy quyền không được ủy quyền cho người thứ ba.

6.3 Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

6.4 Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải mang theo chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu để kiểm tra và nộp lại văn bản bản gốc giấy ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy

quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

6.5 Lá phiếu của người đại diện được ủy quyền có hiệu lực nếu trước khi bỏ phiếu Công ty không nhận được thông báo bằng văn bản về việc hủy bỏ chỉ định ủy quyền.

6.6 Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

6.7 Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông :

7.1 Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các cách thức sau: đăng ký trực tiếp, fax, gửi thư hoặc gửi thư điện tử cho công ty trước thời hạn ghi trong thư mời họp Đại hội đồng cổ đông.

7.2 Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

8. Điều kiện tiến hành :

8.1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

8.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm 8.1 thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số cổ phiếu biểu quyết trở lên.

8.3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành theo quy định tại điểm 8.2 thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông :

9.1 Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình

thức biểu quyết bằng phiếu tại cuộc họp;

9.2 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo hình thức bầu dồn phiếu.

10. Cách thức bỏ phiếu :

10.1 Biểu quyết bằng phiếu : Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

10.2 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát : mỗi cổ đông được phát phiếu bầu - phiếu bầu cho Hội đồng quản trị &/ phiếu bầu cho Ban kiểm soát. Theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Việc bỏ phiếu được bắt đầu khi có hiệu lệnh của Chủ tọa Đại hội và kết thúc khi cổ đông cuối cùng bỏ phiếu bầu vào thùng phiếu. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu bầu cử (gọi tắt là Ban bầu cử) theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban bầu cử do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

11. Cách thức kiểm phiếu :

11.1 Biểu quyết bằng phiếu : Việc biểu quyết các nội dung cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay không tán thành để quyết định.

11.2 Đối với việc bầu cử : Ban bầu cử tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước sự chứng kiến của các cổ đông và tiến hành kiểm phiếu ngay khi cuộc bỏ phiếu kết thúc. Ban bầu cử phải kiểm tra tính hợp lệ của từng lá phiếu, kiểm tra lần lượt từng lá phiếu và ghi lại kết quả. Sau khi kiểm phiếu xong, Ban kiểm phiếu phải lập biên bản kiểm phiếu. Nội dung biên bản kiểm phiếu bao gồm: Tổng số cổ đông tham gia dự họp, tổng số cổ đông tham gia bỏ phiếu, tỷ lệ quyền biểu quyết của cổ đông tham gia bỏ phiếu so với tổng số quyền biểu quyết của cổ đông tham gia dự họp (theo phương thức bầu dồn phiếu), số và tỉ lệ phiếu hợp lệ, phiếu không hợp lệ; số và tỉ lệ quyền biểu quyết cho từng ứng cử viên vào Hội đồng

Quản trị và BKS. Toàn bộ lá phiếu kiểm xong phải được niêm phong và lưu tại Công ty.

12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua :

12.1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định tỷ lệ hoặc giá trị khác;
- e. Tổ chức lại, giải thể Công ty;
- f. Vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.

12.2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các điểm 12.1 và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

12.3. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

13. Thông báo kết quả kiểm phiếu :

13.1 Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

13.2 Kết quả kiểm phiếu bầu cử sẽ do Ban bầu cử công bố. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử được ban hành cụ thể trong mỗi đợt bầu cử.

14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông :

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

14.1 Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 23 Điều lệ Công ty.

14.2 Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

14.3 Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

14.4 Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 Điều lệ Công ty, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông :

15.1 Thư ký cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm ghi toàn bộ diễn biến Đại hội, lập biên bản và đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp. Biên bản có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

15.2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

15.3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

15.4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông

đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

16. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông :

Biên bản họp, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong Biên bản, Nghị quyết phải được công bố trong thời hạn 24h sau khi Đại hội kết thúc trên website của Công ty; Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước; Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hồ Chí Minh/ Hà Nội (nơi cổ phiếu Công ty được đăng ký giao dịch).

Điều 5. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp.

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định sau đây :

2.1 Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 20 Điều lệ công ty.

2.2 Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích lấy ý kiến;

c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.

h. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

2.3. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a. Trường hợp gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b. Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

2.4. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

e. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

2.5. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

2.6. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

2.7. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến :

1.1 Trường hợp tổ chức Đại hội có hình thức trực tuyến, Ban tổ chức đại hội do Hội đồng quản trị thành lập, có trách nhiệm triển khai các thủ tục, Công việc để phục vụ cho việc tổ chức trực tuyến.

1.2 Ban tổ chức đại hội có trách nhiệm thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông có quyền dự họp như quy định tại Điểm a – Khoản 2 – Điều 20 – Điều lệ Công ty.

1.3 Thông báo mời họp được gửi cho tất cả các cổ đông bằng Phương thức đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Trong thông báo mời họp sẽ có đường link và các tài liệu hướng dẫn /quy định đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử và các thông tin cần thiết khác cho cổ đông trước ngày diễn ra Đại hội trực tuyến.

1.4 Việc công bố đường link và các tài liệu hướng dẫn sẽ được thực hiện trên website của công ty chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến :

2.1 Cổ đông truy cập vào đường link đã được Công ty công bố để thực hiện khai báo tư cách Cổ đông trước khi tham dự Đại hội trực tuyến. Cổ đông thực hiện khai báo chính xác và đầy đủ các thông tin, công ty sẽ thực hiện kiểm tra tư cách của cổ đông.

2.2 Sau khi đã xác thực tư cách cổ đông hợp lệ, Công ty sẽ cấp Tài khoản truy cập cho cổ đông để thực hiện đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến, biểu quyết điện tử trên Hệ thống theo hướng dẫn của Công ty.

2.3 Các trường hợp được xem là cổ đông không tham dự Đại hội trực tuyến:

- a. Cổ đông không cung cấp thông tin và gửi thư phản hồi về Công ty để xác thực tư cách cổ đông theo yêu cầu.
- b. Cổ đông không đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo quy định.

2.4 Đăng ký tham dự đại hội trực tuyến :

- a. Cổ đông đăng nhập bằng Tài khoản truy cập và xác thực OTP để đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến theo hướng dẫn được Công ty gửi đến địa chỉ email hoặc hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty. Mỗi lần đăng nhập, cổ đông sẽ được nhận 01 mã OTP khác nhau để thực hiện xác thực.
- b. Cổ đông đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến sau khi cuộc họp đã khai mạc thì vẫn được đăng ký tham dự và có quyền biểu quyết sau khi hoàn thành đăng ký. Ban chủ tọa không được dừng cuộc họp để cổ đông đăng ký tham dự và hiệu lực của các vấn đề đã tiến hành biểu quyết không bị ảnh hưởng.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến :

3.1 Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến được thực hiện theo Điều 18 – Điều lệ Công ty

3.2 Cổ đông có trách nhiệm bảo mật Tài khoản truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cung cấp để đảm bảo chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến, bỏ phiếu điện tử trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông ủy quyền tham dự Đại hội trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cho cá nhân/tổ

chức khác thì cổ đông và người được ủy quyền chịu trách nhiệm đối với việc ủy quyền và kết quả bỏ phiếu điện tử theo Tài khoản truy cập đã được cấp.

4. Điều kiện tiến hành : Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập Đại hội. Các trường hợp không đủ điều kiện tiến hành sẽ căn cứ theo quy định tại Điều 21 – Điều lệ Công ty.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến là bỏ phiếu điện tử. Cổ đông thực hiện thảo luận theo hướng dẫn của Chủ tọa trong quá trình diễn ra Đại hội trực tuyến. Cổ đông có thể thảo luận tại Đại hội trực tuyến bằng hình thức phát biểu trực tuyến hoặc gửi ý kiến thông qua các phương thức kết nối trực tiếp theo hướng dẫn của Ban tổ chức đại hội, Ban thư ký có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cổ đông và gửi cho Ban chủ tọa. Cổ đông thực hiện xem các thông tin liên quan đến đợt bỏ phiếu đã được đăng tải lên hệ thống và thực hiện quyết định bỏ phiếu theo từng nội dung cần biểu quyết.

6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến

6.1 Cổ đông sử dụng Tài khoản truy cập và mã OTP để đăng nhập vào trang web theo hướng dẫn được đăng tải trên website Công ty để thực hiện biểu quyết.

6.2 Cổ đông quyết định chọn biểu quyết bằng hình thức đánh dấu chọn vào 01 trong 03 ô tương ứng “Đồng ý”, “Không đồng ý”, “Không ý kiến” đối với từng nội dung xin ý kiến của cổ đông trên Hệ thống. Trường hợp cổ đông đã biểu quyết nhưng muốn thay đổi ý kiến thì phải thực hiện thay đổi trước thời điểm kết thúc biểu quyết. Ý kiến biểu quyết sau cùng được Hệ thống ghi nhận trước thời điểm kết thúc biểu quyết là ý kiến hợp lệ và được ghi nhận vào kết quả kiểm phiếu. Kết quả biểu quyết theo từng nội dung sẽ được Ban kiểm phiếu báo cáo đại hội ngay sau khi hoàn tất công tác kiểm phiếu biểu quyết.

6.3 Cổ đông có quyền biểu quyết là cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến tính đến thời điểm biểu quyết và số lượng cổ đông này là cơ sở để tính tỷ lệ phiếu biểu quyết của cổ đông. Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội trực tuyến nhưng không thực hiện biểu quyết thì được hiểu là cổ đông đó bỏ phiếu “Không ý kiến” đối với các nội dung xin ý kiến cổ đông tương ứng.

6.4 Khi điều hành đại hội, Ban chủ tọa phải thông báo thời điểm kết thúc bỏ phiếu trên Hệ thống để cổ đông thực hiện quyền của mình. Trường hợp cổ đông gặp trục trặc về việc bỏ phiếu trên Hệ thống có thể liên hệ về số hotline theo thông báo của Ban tổ chức đại hội để được hướng dẫn, hỗ trợ hoàn thành việc bỏ phiếu. Kể từ thời điểm Hệ thống đóng nội dung bỏ phiếu, cổ đông không có quyền thay đổi bất cứ nội dung nào đã bỏ phiếu, kết quả bỏ phiếu của cổ đông được ghi nhận trên Hệ thống theo Tài khoản truy cập là kết quả cuối cùng và không được phép khiếu nại/khiếu kiện liên quan đến kết quả này.

7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến : Kết quả bỏ phiếu điện tử trong thời gian thực hiện bỏ phiếu điện tử được thống kê và tính toán bởi đơn vị cung cấp dịch vụ bỏ phiếu điện tử hoặc hệ thống phần mềm của Công ty.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu

8.1 Ban kiểm phiếu được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại đại hội có trách nhiệm kiểm tra kết quả bỏ phiếu điện tử để tổng hợp kết quả biểu quyết.

8.2 Kết quả biểu quyết được Ban Chủ tọa hoặc Ban kiểm phiếu công bố ngay tại Đại hội trực tuyến trước khi kết thúc cuộc họp.

9. Việc lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Khoản 15 Điều 4 Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định tại Khoản 16 Điều 4 Quy chế này

Điều 7 : Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến :

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông : Trình tự, thủ tục theo Khoản 4 Điều 4 và Khoản 1 Điều 6. Trên thông báo triệu tập sẽ có thêm nội dung về việc đăng ký hình thức tham dự Đại hội : trực tiếp/ trực tuyến.

2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông :

2.1 Mỗi cổ đông đều được cung cấp một (01) thông báo mời họp bằng bản cứng gửi qua đường bưu điện/email trước ngày họp, trên thông báo/email có Mã Đại biểu, Tên đăng nhập và Mật khẩu truy cập hệ thống Đại hội đồng cổ đông trực tuyến của Công ty.

2.2 Cổ đông phải có trách nhiệm bảo mật Mã Đại biểu, Tên đăng nhập, Mật khẩu truy cập và các yếu tố định danh khác do Công ty cấp để đảm bảo rằng chỉ có cổ đông mới có quyền thực hiện việc biểu quyết, bầu cử trên hệ thống trực tuyến của Công ty.

2.3 Cổ đông sử dụng Tên đăng nhập và Mật khẩu được cấp để truy cập vào hệ thống trực tuyến của Công ty và thực hiện biểu quyết, bầu cử theo các nội dung của Chương trình cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến.

2.4 Đối với cổ đông tham dự đại hội trực tiếp sẽ thực hiện đăng ký tham dự tại địa điểm tổ chức họp và được phát Phiếu biểu quyết, Phiếu bầu cử (nếu có) và các tài liệu đại hội khác.

3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông : được thực hiện theo Điều 18 – Điều lệ Công ty.

4. Điều kiện tiến hành :

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông đăng ký dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết căn cứ theo danh sách cổ đông được lập tại thời điểm triệu tập Đại hội. Các trường hợp không đủ điều kiện tiến hành sẽ căn cứ theo quy định tại Điều 21 – Điều lệ Công ty.

5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông :

Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết bằng phiếu tại cuộc họp và bỏ phiếu điện tử;

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo hình thức bầu dồn phiếu tại cuộc họp và bỏ phiếu điện tử.

6. Cách thức bỏ phiếu :

6.1 Đối với cổ đông tham dự và biểu quyết, bầu cử trực tiếp tại địa điểm họp : Theo hướng dẫn tại Khoản 10 Điều 4 Quy chế này.

6.2 Đối với cổ đông tham dự và biểu quyết, bầu cử trực tuyến : Theo hướng dẫn tại Khoản 6 Điều 6 Quy chế này.

7. Cách thức kiểm phiếu :

7.1 Đối với cổ đông tham dự và biểu quyết, bầu cử trực tiếp tại địa điểm họp : Theo hướng dẫn tại Khoản 11 Điều 4 Quy chế này.

7.2 Đối với cổ đông tham dự và biểu quyết, bầu cử trực tuyến : Theo hướng dẫn tại Khoản 7 Điều 6 Quy chế này.

8. Thông báo kết quả kiểm phiếu : Kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung cần lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, kết quả bầu cử được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông : được quy định tại Khoản 15 Điều 4 Quy chế này.

10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông : được quy định tại Khoản 16 Điều 4 Quy chế này.

CHƯƠNG III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ Hội đồng quản trị

1. Vai trò của Hội đồng quản trị : Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị : Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị được quy định cụ thể tại Điều 29 Điều lệ công ty.

Điều 9: Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1.1 Số lượng thành viên Hội đồng quản trị Công ty là ba (03) người.

1.2 Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Khi công ty Niêm yết cổ phiếu lên Sở giao dịch chứng khoán, phải yêu cầu có thành viên Hội đồng quản trị độc lập thì một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên độc lập Hội đồng quản trị không quá 02 nhiệm kỳ liên tục. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

2. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

2.1 Cơ cấu Hội đồng quản trị của công ty phải đảm bảo tối thiểu một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành. Công ty

hạn chế tối đa thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm chức danh điều hành của Công ty để đảm bảo tính độc lập của Hội đồng quản trị.

2.2 Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d. Đối với doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp và công ty con của doanh nghiệp nhà nước theo quy định tại khoản 1 Điều 88 Luật Doanh nghiệp thì thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;
- đ. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo khoản 2, Điều 27 Điều lệ công ty.

2.3 Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện được quy định bên trên và không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác do Hội đồng quản trị công ty bổ nhiệm.

2.4 Thành viên Hội đồng quản trị độc lập theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Không phải là người đang làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty; không phải là người đã từng làm việc cho Công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của Công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó;
- b. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
- c. Không phải là người có vợ hoặc chồng, bố đẻ, bố nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của Công ty; là người quản lý của Công ty hoặc công ty con của Công ty;
- d. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;
- đ. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ;
- e. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

2.5 Thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải thông báo với Hội đồng quản trị về việc không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này và đương nhiên không còn là thành viên Hội đồng quản trị không điều hành kể từ ngày không đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện. Hội đồng quản trị phải thông báo trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không điều hành không còn đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện tại cuộc họp

Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung hoặc thay thế thành viên Hội đồng quản trị không điều hành trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của thành viên Hội đồng quản trị không điều hành có liên quan.

3. Đề cử, ứng cử vào Hội đồng Quản trị:

3.1 Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết từ 10% có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau thành nhóm cổ đông để đề cử các ứng viên bầu vào Hội đồng Quản trị.

3.2 Nếu cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần có quyền biểu quyết:

- Từ 10% đến dưới 20% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.
- Từ 20% đến dưới 30% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.
- Từ 30% đến dưới 40% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.
- Từ 40% đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 04 ứng cử viên.
- Từ 50% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên Hội đồng quản trị.

3.3 Nếu sau khi áp dụng các quy định về đề cử tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp nêu trên mà vẫn chưa đủ số ứng cử viên cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử mới. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

3.4 Danh sách, lý lịch và các thông tin có liên quan của các ứng viên được đề cử hoặc ứng cử để bầu vào Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát phải được gửi về cho Hội đồng Quản trị đương nhiệm chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc khi Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.

3.5 Danh sách ứng viên được đề cử hoặc ứng cử vào Hội đồng Quản trị (kèm theo lý lịch, thông tin theo quy định tại khoản 2, Điều 27 Điều lệ công ty) phải được niêm yết công khai tại trụ sở chính của Công ty và địa điểm nơi tổ chức Đại hội.

4. Cách thức bầu thành viên Hội đồng Quản trị

4.1 Phiếu bầu do Ban tổ chức in sẵn, có danh sách các ứng viên, sắp xếp theo thứ tự theo bảng chữ cái tiếng Việt, có ghi giá trị hoặc số cổ phiếu, có đóng dấu Công ty.

4.2 Phiếu bầu được phát tại buổi họp Đại hội đồng cổ đông. Trên mỗi phiếu bầu có ghi tên những người ứng cử vào Hội đồng Quản trị, thông tin về cổ đông và tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ đại diện. Cổ đông phải kiểm tra số cổ phần ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo lại ngay tại thời điểm nhận phiếu.

4.3 Phiếu bầu cử không hợp lệ là phiếu thuộc một hoặc nhiều trường hợp sau:

- a. Phiếu không phải của Ban kiểm phiếu phát hành;
- b. Phiếu bầu cho nhiều người hơn số lượng đã được quy định;
- c. Phiếu có tẩy xóa, sửa chữa nội dung;
- d. Phiếu bầu có tên những người ngoài danh sách đề cử và ứng cử đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi bầu cử;
- đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

4.4 Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Cổ đông có quyền bầu cho chính mình nếu họ có tên trong danh sách ứng cử viên ghi trong phiếu bầu cử.

4.5 Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4.6 Khi kết quả bầu cử được công nhận sau khi biên bản bầu cử đã được Chủ tọa phê chuẩn và nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

5.1 Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Trường hợp khác quy định tại khoản Điều 28 Điều lệ công ty.

5.2 Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b. Trường hợp khác quy định tại Điều 28 Điều lệ công ty.

5.3 Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị độc lập / thành viên Hội đồng quản trị không điều hành giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 3,

Điều 28 Điều lệ công ty.

c. Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm; nhận được đơn từ chức của thành viên Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị chấp thuận đơn từ chức thì phải thực hiện công bố thông tin trong vòng 24h cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và website Công ty; đồng thời, cung cấp thông tin của Tổng giám đốc mới theo mẫu theo Quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ chuyên môn;
- c. Quá trình công tác;
- d. Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ. Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e. Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều 27 Điều lệ công ty;
- g. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

8. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị :

8.1 Sau khi có kết quả bầu cử thành viên Hội đồng Quản trị của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị phải lựa chọn trong số các thành viên của mình để bầu ra một (01) Chủ tịch.

8.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức Tổng giám đốc điều hành.

8.3 Chủ tịch Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế

theo quy định tại Điều 160 Luật Doanh nghiệp và Khoản 4 Điều 28 Điều lệ công ty.

8.4 Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm

Điều 10. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng.

Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 11: Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp Hội đồng quản trị

1.1 Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

1.2 Hội đồng quản trị họp thường kỳ mỗi quý ít nhất một (01) lần hoặc họp bất thường theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 32 của Điều lệ.

1.3 Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể mời các cá nhân khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị. Những người được mời có thể phát

biểu ý kiến khi được chủ tọa yêu cầu, nhưng không được biểu quyết.

1.4 Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.

2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường :

Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

2.1 Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ thành viên Hội đồng quản trị không điều hành;

2.2 Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

2.3 Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

2.4 Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

2.5 Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

3. Thông báo họp Hội đồng Quản trị

3.1 Thông báo mời họp Hội đồng Quản trị phải được gửi cho thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thông báo họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định.

3.2 Tài liệu họp của phiên họp Hội đồng quản trị phải được gửi kèm cùng thông báo họp đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Hội đồng quản trị hay Thư ký có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.

3.3 Thông báo họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng Quản trị đã được đăng ký tại Công ty.

4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban Kiểm Soát

4.1 Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

4.2 Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 2/3 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn (07 ngày) kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

6. Cách thức biểu quyết

6.1 Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- đ. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

6.2. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

6.3. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

6.4. Biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp :

- a. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu

quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;

7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

7.1 Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

7.2 Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

8.1 Thành viên Hội đồng Quản trị (kể cả Chủ tịch Hội đồng Quản trị) có thể ủy quyền cho một (01) thành viên Hội đồng Quản trị khác tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị bằng văn bản gửi đến Chủ tịch Hội đồng Quản trị trước ngày tổ chức họp ít nhất một (01) ngày. Chủ tịch Hội đồng Quản trị ủy quyền thì phải thông báo cho các thành viên Hội đồng Quản trị biết trước ngày tổ chức cuộc họp ít nhất một (01) ngày.

8.2 Thành viên Hội đồng Quản trị không được phép ủy quyền cho người không phải là thành viên Hội đồng Quản trị tham dự cuộc họp nếu không được đa số thành viên Hội đồng Quản trị còn lại chấp thuận.

9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

9.1 Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian, địa điểm họp;
- c. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ. Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h. Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

9.2 Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

9.3 Chủ tọa và thư ký phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

9.4 Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải được thông qua và biểu quyết nhất trí tại

cuộc họp Hội đồng Quản trị.

9.5 Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

9.6 Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Thư ký Công ty có trách nhiệm chuyển biên bản họp và nghị quyết Hội đồng Quản trị cho các thành viên Hội đồng Quản trị (bao gồm các thành viên dự họp và các thành viên vắng mặt).

10. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 9.1 Điều này thì biên bản vẫn có hiệu lực.

11. Cách thức phản đối, yêu cầu hủy bỏ nghị quyết của Hội đồng Quản trị

11.1 Thành viên Hội đồng Quản trị có quyền phản đối nghị quyết của Hội đồng Quản trị bằng các yêu cầu, thư ký cuộc họp ghi ý kiến phản đối vào biên bản cuộc họp nếu nghị quyết công bố ngay tại cuộc họp, hoặc gửi văn bản đến Hội đồng Quản trị nếu nghị quyết được công bố sau cuộc họp.

11.2 Trong mọi trường hợp, thành viên Hội đồng Quản trị vẫn phải tuân thủ nghị quyết của Hội đồng Quản trị cho đến khi có phán quyết có hiệu lực của tòa án hoặc trọng tài về việc hủy nghị quyết của Hội đồng Quản trị.

12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan (nếu được yêu cầu), hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị theo trình tự và quy định của pháp luật doanh nghiệp và pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 12. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hiện tại, Hội đồng quản trị Công ty không thành lập các tiểu ban Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị công ty có nghị quyết về việc phân công trách nhiệm phụ trách của từng thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 13. Người phụ trách quản trị công ty

Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

1. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty :

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty :

Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất một (01) người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.

3. Các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty trong các trường hợp sau đây:

- a. Người phụ trách quản trị công ty không còn đáp ứng các tiêu chuẩn được quy định tại Khoản 2 Điều 34 Điều lệ công ty;
- b. Người phụ trách quản trị công ty không hoàn thành nghĩa vụ được quy định tại Khoản 3 Điều 34 Điều lệ công ty.
- b. Khi đơn từ nhiệm của người phụ trách quản trị công ty được Hội đồng quản trị chấp thuận.

4. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty :

Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty phải được công bố ra công chúng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

5. Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty.

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- i. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- j. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 14 : Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm Soát

- 1. Vai trò của Ban Kiểm Soát :** Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông thực hiện kiểm tra, giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.

2. **Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm Soát:** Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định cụ thể tại Điều 170, Điều 171 Luật doanh nghiệp; Điều 41 Điều lệ công ty.
3. **Trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm Soát :** được quy định cụ thể tại Điều 173 Luật doanh nghiệp.

Điều 15 : Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm Soát :

Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm Soát :

Tiêu chuẩn, điều kiện ứng viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp và :

- a. Có kinh nghiệm và am hiểu kỹ thuật, nghiệp vụ kinh doanh của Công ty.
- b. Có trình độ Đại học trở lên.
- c. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức tốt, trung thực và hiểu biết pháp luật.
- d. Không phải là người quản lý công ty và người có liên quan với các đối tượng trên.
- e. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
- f. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- g. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

3. Ứng cử, đề cử Ban kiểm soát

3.1 Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Kiểm soát được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Ban Kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Ban Kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Ban Kiểm soát và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Ban Kiểm soát của Công ty;

- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

3.2 Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định sau: Các cổ đông nắm giữ 10% cổ phần phổ thông có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát.

- Từ 10% đến dưới 20% thì được đề cử tối đa 01 ứng cử viên.
- Từ 20% đến dưới 30% thì được đề cử tối đa 02 ứng cử viên.
- Từ 30 đến dưới 50% thì được đề cử tối đa 03 ứng cử viên.
- Từ 50% trở lên được đề cử tối đa số ứng viên Ban Kiểm Soát

3.3 Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm Soát

Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

5. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát

5.1 Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Ban kiểm soát theo quy định tại Khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty;
- b. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c. Các trường hợp khác được quy định tại Điều lệ này.

5.2 Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c. Vi phạm nghiêm trọng, vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d. Trường hợp khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

6. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán. Khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm; nhận được đơn từ chức của thành viên Ban Kiểm Soát và được các thành viên Ban Kiểm Soát còn lại chấp thuận đơn từ chức thì phải thực hiện công bố thông tin trong vòng 24h cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và website Công ty; đồng thời, cung cấp thông tin của Ban Kiểm Soát mới theo mẫu theo Quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

7. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát

7.1 Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

7.2 Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

7.3 Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

CHƯƠNG V TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 16 : Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Vai trò của Tổng giám đốc : Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động công việc hàng ngày của Công ty, Tổng giám đốc chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc: Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc được quy định cụ thể tại Điều 162 Luật doanh nghiệp; Khoản 5 Điều 37 Điều lệ công ty.

3. Trách nhiệm của Tổng giám đốc:

3.1 Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông công ty trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

3.2 Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3.3 Trung thành với lợi ích của công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3.4 Trường hợp điều hành trái với quy định pháp luật mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1.1 Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.

1.2 Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc:

- a. Am hiểu quản lý kinh doanh về ngành nghề chính mà Công ty đang hoạt động. Có ít nhất 05 năm làm công tác quản lý; có đủ kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty và hiểu biết về pháp luật.
- b. Có trình độ chuyên môn từ Đại học trở lên.
- c. Không thuộc các đối tượng quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp.
- d. Có sức khỏe, có phẩm chất đạo đức, trung thực, liêm khiết.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

2.1 Trong cuộc họp Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị (trừ Chủ tịch Hội đồng quản trị) có thể tự ứng cử chức danh Tổng Giám Đốc hoặc các thành viên Hội đồng quản trị có thể đề cử nhân sự phù hợp với chức danh Tổng Giám Đốc để Hội đồng quản trị xem xét, quyết định lựa chọn.

2.2 Trường hợp có nhiều ứng cử viên thì Hội đồng Quản trị có thể xem xét, phỏng vấn và thực hiện các công việc khác (như tiến hành thăm dò ý kiến trong lãnh đạo chủ chốt Công ty,...) để lựa chọn người được bổ nhiệm.

2.3 Hồ sơ đề nghị Hội đồng Quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc do người đề cử ứng cử viên chuẩn bị, bao gồm:

- a. Sơ yếu lý lịch do ứng cử viên tự kê khai nêu rõ nhân thân, học vấn, kinh nghiệm;
- b. Bản tự nhận xét đánh giá quá trình công tác
- c. Các bản sao văn bằng, chứng chỉ đào tạo, bồi dưỡng (có công chứng hoặc đóng dấu của cơ quan sao y bản chính);

2.4 Toàn bộ hồ sơ nêu trên phải được gửi đến các thành viên Hội đồng Quản trị dự họp cùng với tài liệu mời họp, trừ trường hợp các thành viên Hội đồng Quản trị không có ý kiến phản đối về thời gian gửi tài liệu. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết để Chủ tịch Hội đồng quản trị ký quyết định bổ nhiệm.

2.5 Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội

đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành (không tính biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc) và bổ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế.

3. Bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Giám đốc (Tổng Giám đốc);

3.1 Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc;

3.2 Nếu Tổng giám đốc công ty được bổ nhiệm từ một trong thành viên của Hội đồng quản trị công ty thì không cần ký hợp đồng lao động, chỉ cần có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị.

3.3 Trường hợp thuê người lao động làm Tổng giám đốc Công ty thì Hội đồng quản trị sẽ ký hợp đồng lao động với người lao động được thuê làm Tổng Giám Đốc. Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

4. Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

4.1 Tổng giám đốc bị miễn nhiệm trong trường hợp sau đây:

- a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều lệ Công ty;
- b. Có đơn xin nghỉ việc.

4.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị thì Tổng giám đốc vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

4.3 Tổng giám đốc bị xem xét cách chức, chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp sau đây:

- a. Doanh nghiệp không hoàn thành các mục tiêu kế hoạch kinh doanh hằng năm;
- b. Doanh nghiệp vi phạm pháp luật;
- c. Không có đủ trình độ và năng lực đáp ứng yêu cầu của chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh mới của doanh nghiệp;
- d. Vi phạm một trong số các quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của người quản lý Công ty;
- e. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

5. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm; miễn nhiệm; nhận được đơn từ chức của Tổng Giám Đốc và được Hội đồng quản trị chấp thuận đơn từ chức thì phải thực hiện công bố thông tin trong vòng 24h cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và website Công ty; đồng thời, cung cấp thông tin của Tổng giám đốc mới theo mẫu theo Quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

6. Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền Lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định dựa trên kết quả và hiệu quả kinh doanh.

Tiền Lương của Tổng Giám Đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải được báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 18. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với người điều hành khác

1. Tiêu chuẩn và điều kiện được bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc

1.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp.

1.2 Là người có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty, có năng lực tổ chức chỉ đạo và thực hiện các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.

1.3 Phải có trình độ chuyên môn trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty từ trình độ đại học trở lên.

1.4 Thời gian công tác thực tế trong một hoặc các lĩnh vực quản lý kinh doanh của Công ty ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện bổ nhiệm Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán Công ty.

2.1 Không thuộc các đối tượng những người không được làm kế toán quy định tại Điều 51 Luật Kế toán.

2.2 Về phẩm chất đạo đức: Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ chính sách, chế độ, các quy định về quản lý kinh tế, tài chính của pháp luật và của công ty.

2.3 Phải có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên.

2.4 Thời gian công tác thực tế là kế toán ít nhất năm (05) năm tính đến ngày được bổ nhiệm.

2.5 Đối với Kế toán trưởng, phải có chứng chỉ kế toán trưởng theo quy định của pháp luật kế toán.

3. Trình tự, thủ tục bổ nhiệm, ký hợp đồng lao động với người điều hành khác trong công ty

3.1 Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Tài chính – Kế toán do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm. Hồ sơ đề nghị bổ nhiệm thực hiện như hồ sơ đề nghị bổ nhiệm Tổng giám đốc.

3.3 Sau khi được chấp thuận của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Công ty sẽ bổ nhiệm, miễn nhiệm các phó Tổng Giám đốc Công ty (hoặc giám đốc điều hành),

các Người điều hành khác Công ty (Chánh Phó quản đốc phân xưởng, Trưởng phó phòng ban, chi nhánh công ty và các chức danh tương đương).

4. Bổ nhiệm lại chức vụ của người điều hành công ty.

4.1 Khi người điều hành công ty kết thúc thời hạn giữ chức vụ, thì Tổng Giám đốc phải xem xét báo cáo Hội đồng quản trị bổ nhiệm lại hoặc không bổ nhiệm lại; phía quyết định trước khi cán bộ kết thúc nhiệm kỳ ít nhất một (01) tháng.

4.2 Điều kiện để bổ nhiệm lại

- a. Hoàn thành tốt chức trách, nhiệm vụ được giao trong thời gian giữ chức vụ;
- b. Phẩm chất đạo đức tốt;
- c. Không vi phạm pháp luật, chế độ, chính sách Nhà nước và các quy định của Công ty;
- d. Có đủ sức khỏe để hoàn thành nhiệm vụ;
- e. Được cán bộ, công nhân lao động trong đơn vị tín nhiệm.

4.3 Hồ sơ trình Công ty bổ nhiệm lại như là hồ sơ bổ nhiệm lần đầu

5. Quy định về ký hợp đồng lao động đối với người điều hành công ty

5.1 Sau khi có quyết định bổ nhiệm cán bộ điều hành khác trong Công ty, Tổng giám đốc ký hợp đồng lao động (hoặc phụ lục hợp đồng lao động) cho cán bộ điều hành do Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc bổ nhiệm.

5.2 Nội dung hợp đồng lao động phải ghi rõ nguyên tắc trả thù lao, mức thu nhập, các quyền lợi được hưởng, trách nhiệm và quyền hạn. Nội dung của hợp đồng lao động phải tuân thủ các quy định của pháp luật lao động.

6. Các trường hợp miễn nhiệm, từ chức đối với người điều hành khác công ty

6.1 Người điều hành công ty xin từ chức phải làm đơn gửi cho Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc. Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc phải xem xét và ra quyết định trong thời hạn 01 tháng, kể từ khi tiếp nhận đơn từ chức. Trong thời gian chưa có ý kiến chuẩn y của Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc thì cán bộ quản lý người điều hành công ty đó vẫn phải tiếp tục thực hiện nhiệm vụ của mình ở vị trí đã được bổ nhiệm.

6.2 Chủ tịch Hội đồng quản trị/Tổng giám đốc có thể miễn nhiệm người điều hành công ty trong trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển cán bộ;
- b. Sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;
- c. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của công ty, vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức cách chức hoặc buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động.

7. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty

7.1 Công ty phải tổ chức thông báo về việc bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành công ty trong nội bộ công ty và công bố thông tin theo quy định của pháp luật chứng khoán và thị trường chứng khoán.

7.2 Khi Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm; miễn nhiệm; nhận được đơn từ chức của người điều hành khác và được Hội đồng quản trị/ Tổng giám đốc chấp thuận đơn từ chức thì phải thực hiện công bố thông tin trong vòng 24h cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và website Công ty; đồng thời, cung cấp thông tin của người điều hành mới theo mẫu theo Quy định của Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

CHƯƠNG VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 19. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám Đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1.1 Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác phải tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao và phải nghiêm túc phối hợp hoạt động để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của cổ đông, phát triển Công ty.

1.2 Khi có vấn đề phát sinh cần sự phối hợp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ triệu tập cuộc họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

1.3 Người triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị có trách nhiệm chỉ đạo Thư ký Công ty chuẩn bị tài liệu họp và chuyển tài liệu cho từng thành viên Hội đồng Quản trị và đại biểu được mời họp.

1.4 Thông báo mời họp phải được gửi cho thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thông báo họp phải ghi rõ thời gian, địa điểm họp, nội dung hoặc chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định.

1.5 Tài liệu họp của phiên họp phải được gửi kèm cùng thông báo họp đến các thành viên Hội đồng Quản trị trong thời hạn ít nhất ba (03) ngày. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc nếu như không nhận được tài liệu họp đúng thời hạn do lỗi của Chủ tịch Hội đồng quản trị hay Thư ký có quyền đề nghị hoãn lại ngày họp và Chủ tịch Hội đồng quản trị có nghĩa vụ tổ chức lại theo đề nghị của Thành viên.

1.6 Thông báo họp được gửi bằng đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện phù hợp khác, nhưng phải đảm bảo đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

1.7 Các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu như quy định tại Biên bản họp Hội đồng quản trị.

1.8 Tất cả các thành viên đều có quyền bảo lưu ý kiến thống nhất hoặc không thống nhất đối với một số nội dung và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi có yêu cầu.

2. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Ban kiểm soát Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ký;

3. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được gửi đến Tổng giám đốc trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ký;

4. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

4.1 Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc được đề nghị triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường theo khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty khi xét thấy có những vấn đề ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình hoạt động kinh doanh, quản lý và điều hành Công ty.

4.2 Những vấn đề theo Điều 29 Điều lệ công ty phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

6. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Định kỳ vào tháng đầu tiên của mỗi Quý, Tổng giám đốc sẽ báo cáo, kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc.

7. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

7.1 Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó tổng giám đốc, người quản lý khác trong công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của đơn vị trong công ty.

7.2 Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

7.3 Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

7.4 Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

7.5 Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

8. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

8.1 Mỗi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát

- a. Ban Kiểm soát phải thường xuyên phối hợp với Hội đồng quản trị, thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết quả và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
- b. Kiến nghị biện pháp bổ sung, sửa đổi, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty giúp Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông trong kỳ họp gần nhất;
- c. Ban Kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, chính xác, hợp lý, hợp pháp của việc ghi chép lưu giữ chứng từ và lập sổ kế toán, báo cáo tài chính, và các báo cáo khác của Công ty, tính trung thực, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
- d. Ban Kiểm soát phải lưu giữ các tuyên bố công khai lợi ích của các cán bộ quản lý điều hành của Công ty để giám sát các giao dịch kinh tế dân sự của những người quản lý với những nơi cũ họ có liên quan và những nơi họ có lợi ích để phát hiện và giám sát những giao dịch này, ngăn chặn những thiệt hại có thể xảy ra đối với Công ty và cổ đông của Công ty;
- e. Ban Kiểm soát phải tiếp nhận các khiếu nại của cổ đông liên quan đến quản lý điều hành Công ty, tổ chức thẩm tra xác minh các khiếu nại báo cáo Hội đồng quản trị và thực hiện việc trả lời các khiếu nại của cổ đông;
- f. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác phải cung cấp đầy đủ và kịp thời thông tin, tài liệu về hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban Kiểm soát, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác. Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của Công ty, phải chịu trách nhiệm cá nhân về việc sử dụng các thông tin được quy định là thông tin bí mật của Công ty. Việc yêu cầu cung cấp thông tin cho Ban Kiểm soát và sử dụng thông tin không được gây ảnh hưởng đến hoạt động quản lý và điều hành của Công ty.

8.2 Mỗi quan hệ công việc giữa Hội đồng Quản trị và Tổng giám đốc

- a. Tổng Giám đốc là người quyết định cao nhất về mọi hoạt động điều hành Kinh doanh – sản xuất của Công ty là người chịu trách nhiệm nghiên cứu, xây dựng các phương án hoạt động để trình Hội đồng Quản trị; tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị

- b. Tổng Giám đốc được quyền từ chối thi hành và bảo lưu các ý kiến đối với các quyết định của Hội đồng Quản trị nếu thấy trái pháp luật, trái với quy định của Nhà nước và báo cáo giải trình ngay với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát bằng văn bản.
- c. Hội đồng Quản trị có thể đình chỉ hoặc hủy bỏ việc thi hành các quyết định của Tổng Giám đốc nếu xét thấy trái pháp luật, vi phạm Điều lệ, nghị quyết và các quyết định của Hội đồng Quản trị.
- d. Tổng Giám đốc có quyền quyết định các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, dịch họa, hỏa hoạn, sự cố bất ngờ,...) nhưng phải chịu trách nhiệm về những quyết định đó. Đồng thời phải báo cáo ngay với Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông trong thời gian gần nhất.
- e. Tổng Giám đốc phải giải trình về sự thua lỗ và kém hiệu quả từng thời kỳ và kế hoạch khắc phục trình Hội đồng Quản trị và Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp thua lỗ liên tục và không xây dựng được phương án tích cực thì Hội đồng Quản trị sẽ ra nghị quyết bãi nhiệm Tổng Giám đốc.

Điều 20. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám Đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

1. Đánh giá hoạt động đối với thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác

1.1 Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Chủ tịch Hội đồng Quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc.

1.2 Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban Kiểm soát.

1.3 Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá cán bộ quản lý trong công ty trên cơ sở căn cứ vào quy chế hoạt động của Công ty và kết quả hoạt động hàng năm của từng bộ phận/đơn vị của toàn công ty để phân loại đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ như sau:

- a. Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ.
- b. Hoàn thành tốt nhiệm vụ.
- c. Hoàn thành nhiệm vụ
- d. Chưa hoàn thành nhiệm vụ.

2 Khen thưởng

2.1 Hàng năm, căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh - Lợi nhuận và đánh giá của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành; Chủ tịch Hội đồng quản trị trình với Đại hội đồng cổ đông khen theo Điều lệ quy định để khen thưởng Hội đồng quản trị - Ban Kiểm soát – Người phụ trách quản trị công ty; Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị (đối với bộ máy điều hành) đề xuất mức khen thưởng đối với các cá nhân theo mức độ hoàn thành nhiệm vụ như khoản 3 Điều 58.

2.2 Chế độ khen thưởng

a. Bằng tiền.

b. Bằng cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ công nhân viên (nếu có).

2.3 Nguồn kinh phí khen thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng, quỹ thưởng từ lợi nhuận theo quyết định của đại hội đồng cổ đông. Mua cổ phiếu quỹ để khen thưởng.

2.4 Mức khen thưởng: Căn cứ vào tình hình thực tế của từng năm để xây dựng mức khen thưởng cụ thể.

3 Xử lý vi phạm và kỷ luật

3.1 Hàng năm, căn cứ vào kết quả đánh giá hoạt động sản xuất kinh doanh để xác định mức độ và hình thức kỷ luật theo quy định của pháp luật và của Công ty. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do mình gây ra.

3.2 Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính, hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác thì bồi thường theo quy định của pháp luật.

Điều 21. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần dược medipharco bao gồm VI chương - 21 điều đã được Đại hội đồng cổ đông họp và biểu quyết nhất trí thông qua ngày 16 tháng 04 năm 2021. Trong quá trình thực hiện có những vấn đề mới phát sinh mà xét thấy cần phải sửa đổi, bổ sung quy chế cho phù hợp với quy định của pháp luật và tình hình hoạt động thực tế của công ty, công ty có thể trình Hội đồng Quản trị họp xem xét, quyết định và trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

2. Quy chế này có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua Đại hội đồng cổ đông và Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.

3. Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Trưởng các phòng, ban, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Công ty có trách nhiệm hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc thi hành Quy chế này đến toàn thể cán bộ, công nhân viên toàn Công ty.

Huế, ngày 16/04/2021

**CHỮ KÝ CỦA THÀNH VIÊN HĐQT
VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
Nhiệm kì 4 (2020-2025)**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

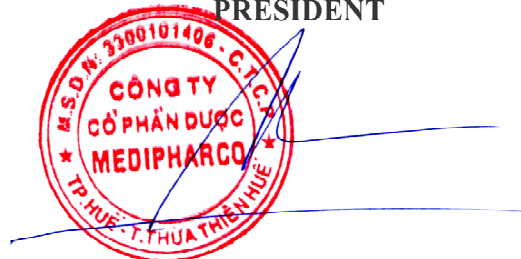
Phan Thị Minh Tâm

Hoàng Ngọc Hoài Phong

Nguyễn Văn Hoàng

TM/ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PRESIDENT**



Ds. Phan Thị Minh Tâm